

Số: /BC-UBND

Sơn Kim 1, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025

Phần 1: Báo cáo việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC)

I. Tình hình thực hiện và kết quả PCGD, XMC

1. Công tác của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC

a) Công tác tham mưu, chỉ đạo

Để thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, kế hoạch của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo về công tác phổ cập giáo dục, UBND xã ban hành Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 19/08/2025 về việc thành lập Ban Chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục- xóa mù chữ xã Sơn Kim 1 năm 2025; Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện PCGD, XMC số 17/KH-BCĐ ngày 20/08/2025 đồng thời tham mưu UBND xã ban hành Văn bản số 219/UBND ngày 25/08/2025 hướng dẫn một số nội dung công tác điều tra PCGD-XMC năm 2025; Ban chỉ đạo ban hành các văn bản số 01/BCĐ ngày 12/09/2025 về việc tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung công tác điều tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025, Văn bản số 02/BCĐ ngày 24/11/2025 về việc cập nhật, xử lý dữ liệu, hoàn thiện hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025 để chỉ đạo, hướng dẫn các nhà trường, các cá nhân, tổ chức, đơn vị liên quan để thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch năm 2025.

Ban Chỉ đạo PCGD, XMC họp và giao nhiệm vụ cho các Phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp xã, các thôn phối hợp, tuyên truyền thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục.

b) Công tác tuyên truyền

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tầng lớp nhân dân để có nhận thức đúng về công tác phổ cập, từ đó nhà trường, gia đình, xã hội cùng chung tay vì công tác phổ cập xóa mù chữ, vì sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Các Phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp xã, các nhà trường, các thôn quan tâm tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh ở xã, thôn xóm; qua các hội nghị, ngày lễ, các cuộc hội họp tại khu dân cư, thôn để tuyên truyền, phổ biến các Nghị định của Thủ tướng Chính phủ, các Quyết định, Thông tư Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDDT); Chỉ thị, Kế hoạch, Văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, UBND xã về công tác phổ cập giáo dục.

c) Nâng cao chất lượng giáo dục

Giáo dục Mầm non: Tiếp tục chỉ đạo việc đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm” gắn với thực hiện

Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở Chương trình khung của Bộ GDĐT, các lớp triển khai lồng ghép, tích hợp giáo dục STEAM, phương pháp giáo dục Montessori vào phát triển nội dung, chương trình và đổi mới phương pháp dạy học ở các lớp có hiệu quả. Tổ chức môi trường giáo dục theo chủ đề, tạo nhiều góc mở, góc trải nghiệm ngoài trời cho trẻ hoạt động. Quan tâm xây dựng, trang trí công trình vệ sinh thân thiện; đảm bảo môi trường giáo dục Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, xây dựng lớp học hạnh phúc. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động tập thể, ngày hội ngày lễ, huy động được sự tham gia của đông đảo của phụ huynh. Tổ chức cho trẻ tham quan các làng nghề ở địa phương, tham quan các địa danh lịch sử, các trang trại chăn nuôi, các mô hình sản xuất, sản phẩm OCOP, tham trải nghiệm di tích lịch sử Danh y hải Thượng Lãn ông (Lê Hữu Trác) tham quan đồi chè ở xã Sơn Tây, di tích đền Đức Ông ở Thôn Kim Cương 1 gần trường...3/3 lớp tổ chức cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi tổ chức các hoạt động làm quen và tham quan các trường Tiểu học; tổ chức sôi nổi các hoạt động Chương trình “Tôi yêu Việt Nam”, Ngày hội thể dục thể thao, Rung chuông vàng-bé sẵn sàng vào lớp 1,... Tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản lý và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Tập huấn xây dựng trò chơi học tập với phần mềm Quizizz; hướng dẫn giáo viên sưu tầm, khai thác các ứng dụng, các phần mềm, kho học liệu điện tử để phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Cấp Tiểu học: Tập trung triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đảm bảo hiệu quả, củng cố và nâng cao chất lượng đại trà, chú trọng phát triển chất lượng mũi nhọn; tiếp tục ưu tiên, coi trọng chất lượng dạy học lớp 1. Thực hiện dạy học môn Tin học và Tiếng Anh cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5; Tổ chức dạy học tự chọn Tiếng Anh 1 tiết/tuần cho học sinh lớp 1, 2, tổ chức các hoạt động làm quen với Tin học cho học sinh lớp 1, lớp 2. Tiếp tục thực hiện phong trào xây dựng “Trường học hạnh phúc”; xây dựng “Tủ sách dùng chung” và “Tủ đồ dùng học tập dùng chung”. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để tổ chức dạy học. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019. Tích cực tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, vận động tài trợ để bổ sung CSVN, thiết bị giáo dục, đảm bảo hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; vận dụng vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đẩy mạnh công tác truyền thông trong giáo dục, đặc biệt là truyền thông về thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Cấp THCS: Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 bảo đảm hiệu quả; củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục THCS. Tiếp tục thực hiện công tác xây dựng Trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn, Trường học hạnh phúc; quan tâm hệ thống trường, lớp, đội ngũ giáo viên và cơ

sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu triển khai CT GDPT 2018; củng cố nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở; thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các nhà trường; Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; đa dạng hóa các hình thức giáo dục, đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh; triển khai ứng dụng công nghệ số trong dạy và học. Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện CT GDPT 2018; chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên để tổ chức dạy học các môn học trong Chương trình. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; bảo đảm an toàn trường học; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; đảm bảo an toàn, an ninh trường học.

Năm 2025, xã Sơn Kim 1 duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt phổ cập GDTH mức độ 3 (tỷ lệ 100%); kết quả phổ cập giáo dục PCGD THCS đạt mức độ 3; Phổ cập giáo dục XMC đạt Mức độ 2; huy động 100% số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6; tỷ lệ độ tuổi 15 đến 18 có bằng tốt nghiệp THCS đạt tỉ lệ 98,64%.

d) Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Địa phương quy hoạch diện tích đất để phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục phù hợp; quy hoạch xây dựng trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục học sinh, phù hợp với đặc điểm học sinh vùng biên giới. Xã cũng đầu tư thông qua chương trình kiên cố hóa trường, lớp học, đồng thời lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và các nguồn kinh phí khác để xây dựng cơ sở vật chất các trường học theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa, đảm bảo đủ phòng học, phòng chức năng, sân chơi và các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định hiện hành.

Ngay từ đầu năm học, các nhà trường tiến hành rà soát cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị dạy học. Từ đó tham mưu, đề xuất lãnh đạo địa phương tu sửa, xây mới hệ thống phòng học, bếp ăn bán trú, công trình vệ sinh...; bổ sung trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi... đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu dạy học. Phong trào xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ngày càng khởi sắc. Hiện nay các trường học trên địa bàn đều đạt chuẩn Quốc gia, trong đó trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

e) Thực hiện chế độ, chính sách cho giáo dục và cho công tác phổ cập

UBND xã giao Phòng kinh tế phối hợp với phòng Văn hóa - Xã hội và các nhà trường tham mưu triển khai, thực hiện các chính sách đầy đủ đối với trường Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ

học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Văn bản số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12/9/2025 của Bộ GDĐT về việc thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026; phê duyệt kinh phí và danh sách đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP; hỗ trợ học sinh mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; Chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của Chính phủ; chính sách dành cho người đi học theo chế độ cử tuyển theo Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ (thay thế bởi Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số).

g) Công tác xã hội hóa giáo dục

Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp với Phòng Kinh tế hướng dẫn các nhà trường tuyên truyền và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Văn bản số 5027/UBND-VX ngày 31/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 107/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đề xây dựng, bổ sung CSVC, trang thiết bị dạy học, đáp ứng nhu cầu các điều kiện tổ chức dạy học, giáo dục. Công tác xã hội hóa, vận động tài trợ đúng quy trình, sử dụng đúng mục đích, mức vận động phù hợp điều kiện tình hình kinh tế, đời sống ở các địa phương. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn đã thực hiện nghiêm túc quy trình và nguyên tắc huy động, sử dụng theo Văn bản số 5027/UBND-VX của UBND tỉnh. UBND xã đã tổ chức kiểm tra, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch vận động tài trợ cho các trường học trên địa bàn theo quy định. Các nhà trường đã tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT.

h) Công tác phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thực hiện PCGD, XMC

Các phòng, ban, ngành đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn xã có sự phối hợp tốt trong việc thực hiện PCGD, XMC. Cụ thể: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng dân cư cho từng đoàn viên nâng cao nhận thức và tham gia tích cực trong công tác phổ cập giáo dục; đồng thời vận động các gia đình, người thân, dòng họ có con em trong độ tuổi đi học ra lớp. 100% các khu dân cư, các gia đình không có trẻ bỏ học hoặc không ra lớp học.

Các ban, ngành, đoàn thể của địa phương tuyên truyền dưới nhiều hình thức: Phát thanh, tuyên truyền panô, áp phích, phát tờ rơi tới từng hộ gia đình, tuyên truyền trên trang Website của các đơn vị, trên trang truyền thông của xã, kết hợp công tác tuyên truyền về phổ cập giáo dục triển khai để phụ huynh nắm chắc về mục tiêu phổ cập giáo dục.

Trạm Y tế đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu theo quy định. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe trẻ tại các nhà trường. Phổ biến kiến thức, kỹ năng và hướng dẫn chăm sóc, giáo dục sức khỏe tại gia đình.

Hội Khuyến học xã tăng cường phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng chính đáng của từng địa phương, cơ sở, gia đình để xem xét, giải quyết, nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục.

Các tổ chức xã hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Khuyến học, Hội Cựu chiến binh... tích cực trong phối hợp tham gia tuyên truyền, vận động và cùng chung tay, góp sức vào công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

2. Kết quả PCGD, XMC năm 2025

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Quyết định số 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2016 của Bộ GDĐT về việc đính chính Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GDĐT quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông. Căn cứ kết quả kiểm tra PCGD, XMC năm 2025, kết quả công tác PCGD, XMC của xã Sơn Kim 1 đạt được như sau:

a) Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Tổng số trẻ 5 tuổi trên địa bàn: 77
- Tổng số trẻ 5 tuổi được huy động 77
- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường: 77/77, tỷ lệ 100%.
- Tỷ lệ trẻ học 2 buổi trên ngày: 77/77, tỷ lệ 100%.
- Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 89/89, tỷ lệ 100%.
- Tổng số trẻ 3 - 5 tuổi: 213 trẻ, ra lớp: 213 trẻ, Tỷ lệ: 100%; trong đó trẻ học tại địa bàn là 157 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 56 trẻ.
- Tổng số trẻ từ 0 đến 2 tuổi: 167 trẻ, ra lớp: 25 trẻ, Tỷ lệ: 14,10%; trong đó trẻ học tại địa bàn là 23 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 02 trẻ.

- Tổng số trẻ 0 đến 5 tuổi khuyết tật trên địa bàn: 0 ; số trẻ có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 0 ; Tỷ lệ: 0%.

Kết quả: Đạt

b) Phổ cập giáo dục Tiểu học

- Tổng số trẻ 6 tuổi trên địa bàn: 90 em
- Tổng số trẻ 6 tuổi huy động vào lớp 1: 90 em đạt tỷ lệ 100%.
- Tổng số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (năm học 2024 - 2025): 114/114 em, đạt tỷ lệ 100%.
- Tổng số trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (tính đến năm học 2025 - 2026): 438 em, đạt tỷ lệ 100%; trong đó số trẻ em 14 tuổi 102 em; số trẻ 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 102/102 em, đạt tỷ lệ 100%.
- Tổng số trẻ 11 tuổi đang học ở tiểu học 0 em, chiếm tỷ lệ 0%.
- Số trẻ 6-14 tuổi phải phổ cập chưa đi học: 0 em; Tỷ lệ: 0%.
- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-14 tuổi trên địa bàn: 13 em; trong đó số trẻ khuyết tật 11-14 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 11 em, tỷ lệ: 100%.

Kết quả: Đạt mức độ 3

c) Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi phải phổ cập 288; số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS (tính đến năm học 2025-2026): 285 em; Tỷ lệ 98,96%.
- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi đã tốt nghiệp THCS đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN: 282 em; Tỷ lệ 97,92 %.
- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 11-18 tuổi bỏ học 0 em; tỷ lệ 0 %, trong đó 11-14 tuổi bỏ học: 0; độ tuổi từ 15-18 tuổi bỏ học: 0; tỷ lệ 0.
- Số lớp PCGD THCS: 0, tỷ lệ 0 %;
- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11 -18 tuổi trên địa bàn: 15, số trẻ khuyết tật 11 -18 tuổi được tiếp cận giáo dục: 13 em đạt Tỷ lệ: 87 %.

Kết quả: Đạt mức độ 3

d) Công tác phổ cập giáo dục Trung học phổ thông

- Tổng số học sinh tốt nghiệp THCS (hai hệ) năm qua (học sinh lớp 9, năm học 2024-2025: 62 đạt tỷ lệ: 98,87 %;
- Số học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2024 - 2025 vào học lớp 10 THPT, GDTX, TCCN, trường dạy nghề 60, chiếm tỷ lệ 93,8 (trong đó vào học lớp 10 THPT 54, tỷ lệ 87 %; học lớp 10 GDTX cấp THPT: 5, tỷ lệ 8,1 %; học nghề: 1, tỷ lệ 1,6 %);
- Tổng số học sinh tốt nghiệp THPT năm qua (năm học 2024-2025): 60, tỷ lệ: 100%;

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 18 – 21: 266, có bằng tốt nghiệp THPT, BT THPT, THCN 262 tỷ lệ: 98,49%;
- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 18 – 21 ngoài nhà trường: 0, tỷ lệ 0 %.

Kết quả: Đạt mức 3

e) Kết quả xóa mù chữ

Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 25: 743 người, trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ: 743 đạt tỉ lệ: 100%.
- Số người trong độ tuổi từ 15-25 mù chữ: 0 đạt tỉ lệ: 0 %, trong đó:
- + Số người mù chữ mức độ 1: 0 người đạt Tỉ lệ: 0 %;
- + Số người mù chữ mức độ 2: 0 người đạt Tỉ lệ: 0 %.

Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 35: 7803 người, trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15-35 biết chữ: 1803 người, tỉ lệ: 100%
- Số người trong độ tuổi từ 15-35 mù chữ: 0 người đạt tỉ lệ: 0 %, trong đó:
- + Số người mù chữ mức độ 1: 0 người đạt Tỉ lệ: 0 %;
- + Số người mù chữ mức độ 2: 0 người đạt Tỉ lệ: 0 %.

Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 60: 3615 người, trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ: 3615 người, tỉ lệ: 100 %
- Số người trong độ tuổi từ 15- 60 mù chữ: 0 người, tỉ lệ: 0 %, trong đó:
- + Số người mù chữ mức độ 1: 0 người; Tỉ lệ: 0 %;
- + Số người mù chữ mức độ 2: 0 người; Tỉ lệ: 0 %.
- Số lớp huy động XMC: 0/ 0 lớp/học viên.

Kết quả: Đạt mức 2

3. Điều kiện đảm bảo

a) Cơ sở vật chất

- *Trường Mầm non*: Có CSVC đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2
- + Tổng số lớp 5 tuổi: 03 lớp; tổng số phòng học 5 tuổi: 03 phòng, trong đó 03 phòng kiên cố, 0 phòng bán kiên cố, đảm bảo an toàn cho trẻ, đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, mát về mùa hè;
- + 03/03 lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDDT ngày 23/3/2015 ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non;
- + Có công trình nước sạch, bếp ăn, sân chơi ngoài trời, đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn và được sử dụng thường xuyên.
- *Trường Tiểu học*: Có CSVC đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1
- + Có đủ 01 phòng học/lớp. Phòng học theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập (nếu có) thuận lợi; có thư viện, phòng y tế học

đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thông và hoạt động Đội, phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên. Đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; thiết bị dạy học được sử dụng thường xuyên, dễ dàng, thuận tiện. Có sân chơi, bãi tập có diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên; xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, đảm bảo vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ. Số phòng học: 20; tỉ lệ phòng học/lớp: 1/1; Số phòng chức năng: 13, trong đó: Phòng Hiệu trưởng: 01; Phòng Phó Hiệu trưởng: 02; Văn phòng: 01; Phòng Y tế: 02; Phòng truyền thông - hoạt động Đội: 02; Phòng họp: 01; Thư viện: 02; Phòng Thiết bị: 02. Tất cả khối phòng học và khối phòng phục vụ học tập đều có 01 smart TV, 01 thiết bị phát sóng wifi đường truyền tốc độ cao.

+ Thiết bị dạy học tối thiểu đảm bảo theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học.

+ Có sân chơi, bãi tập có diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên; xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, đảm bảo vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

- *Trường Trung học cơ sở*: Có CSVC đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1

+ Số phòng học đạt tỷ lệ 01 phòng/lớp; phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện, phòng học bộ môn.

+ Thiết bị dạy học tối thiểu đảm bảo theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS.

+ Sân chơi và bãi tập với tổng diện tích 9010.42 m², được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành cho giáo viên, học sinh.

b) Giáo viên

- *Trường Mầm non*

+ Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên: 31 người, trong đó hợp đồng làm việc 27 người, hợp đồng lao động 04 người (trong đó giáo viên, nhân viên các nhóm trẻ độc lập, tự thực 0 người).

+ Tổng số CBQL: 03 người, trong đó Hiệu trưởng 01 người, Phó hiệu trưởng 02 người.

+ Tổng số giáo viên 23 người (trong đó giáo viên nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực: 0 người); giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi 06 người, trong đó

hợp đồng làm việc 06/06 người, tỷ lệ 100%. 06/06 giáo viên có trình độ trên chuẩn, tỷ lệ 100%. Tỷ lệ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi: 02 giáo viên/lớp.

- Tiểu học

+ Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên: 37; trong đó: CBQL 03; giáo viên 29 ; tổng phụ trách Đội 01; nhân viên 04.

+ Tổng số giáo viên: 30 (có 01 GV làm Tổng phụ trách Đội), trong đó tổng số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên: 30/30 người, tỉ lệ 100%, số giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn: 0 người, tỉ lệ 0%. Tỉ lệ giáo viên/lớp: 1,45

+ Cơ cấu giáo viên: Giáo viên dạy các môn văn hóa làm công tác chủ nhiệm: 20; giáo viên dạy môn Âm nhạc: 03; giáo viên dạy Mỹ thuật: 02; giáo viên dạy giáo dục thể chất/thể dục: 02; giáo viên dạy Tin học: 01; giáo viên dạy ngoại ngữ (Tiếng Anh): 02; Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội: 01.

- 100% giáo viên đạt yêu cầu Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Trung học cơ sở

+ Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên: 43; trong đó: CBQL 2; giáo viên 38; (trong đó có giáo viên kiêm nhiệm TPT Đội 1); nhân viên 3 đạt chuẩn đào tạo, đạt chuẩn tỷ lệ 100%; trên chuẩn 0 tỷ lệ 0 %.

+ Đảm bảo giáo viên và nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng theo Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

+ 100% giáo viên đạt yêu cầu Chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS theo quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo dục phổ thông.

c) Kinh phí PCGD, XMC

Tổng kinh phí thực hiện PCGD, XMC năm 2025: Thực hiện đảm bảo theo quy định.

II. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

Trong năm qua, công tác PCGD-XMC đã nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Đảng ủy, HĐND và UBND xã Sơn Kim 1; PCGD-XMC được xác định là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng, trọng tâm của Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và Nhân dân trong xã.

Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục xã đã có những giải pháp và việc làm cụ thể trong quản lý, chỉ đạo đẩy mạnh công tác PCGD-XMC. Nhận thức của Nhân dân về mục đích, ý nghĩa, vai trò, nhiệm vụ của công tác PCGD-XMC đã có những chuyển biến tích cực.

Mạng lưới trường, lớp đã được quy hoạch đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và nhu cầu học tập suốt đời của Nhân dân. Cơ sở vật chất trường học được xây dựng ngày càng khang trang, kiên cố, hiện đại theo các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia. Đội ngũ CBQL, GV, NV các nhà trường được bố trí đủ số lượng theo định mức, cơ bản đồng bộ về cơ cấu, tất cả đều đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó số trên chuẩn đạt tỷ lệ cao.

Sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể trong toàn xã tương đối hiệu quả trong công tác vận động, tuyên truyền Nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phổ cập giáo dục.

Điều kiện kinh tế - xã hội trong những năm qua từng bước phát triển hơn, là điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển giáo dục của xã Sơn Kim 1. Nhận thức, sự quan tâm của Nhân dân về việc chăm lo, đầu tư cho con em học tập văn hoá đã có những biến chuyển tích cực, trình độ mặt bằng dân trí ngày càng nâng cao.

Các thành viên Ban Chỉ đạo về công tác phổ cập của xã, các cán bộ, giáo viên tham gia điều tra có nhiều kinh nghiệm trong công tác xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện việc điều tra, ghi chép, cập nhật đầy đủ thông tin chính xác, cần thiết về các loại số liệu phổ cập.

2. Hạn chế

- Việc quán triệt chủ trương của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ phổ cập giáo dục xóa mù chữ của một số thôn trên địa bàn chưa sâu sát và cụ thể, do đó trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ chưa sáng tạo. Các lực lượng xã hội tham gia vào công tác phổ cập còn mang tính thời vụ, chưa thường xuyên.

- Nhận thức của một bộ phận Nhân dân về giáo dục đào tạo còn hạn chế, việc phân luồng sau THCS gặp nhiều khó khăn. Trên địa bàn không có cơ sở đào tạo nghề có uy tín, mặt khác không có nhiều công trình, nhà máy, dự án để thu hút việc làm cho học viên đã tham gia học nghề.

- Trong công tác điều tra số liệu phổ cập và cập nhật các thông tin lên hệ thống PCGD, XMC vẫn còn sai sót, chưa thống nhất.

Phần II

Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ công tác PCGD, XMC năm 2026

I. Mục tiêu chung

1. Phổ cập giáo dục Mầm non

- Duy trì đạt chuẩn PCGDMNTE 5 tuổi; hướng tới đạt chuẩn PCGDMNTE 3,4 tuổi.

- Về trẻ em: Duy trì tỷ lệ 100% trẻ em 5 tuổi được đến trường và hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.

- Về đội ngũ giáo viên: 100% giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi có trình độ đào tạo trên chuẩn và được xếp loại từ mức đạt trở lên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; được hưởng các chế độ chính sách theo quy định; đảm bảo đủ định biên 2 giáo viên/1 lớp.

- Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: Tỷ lệ phòng học cho lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt 1,0 phòng/lớp, phòng học đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, an toàn. 100% lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

- Trường mầm non có sân chơi xanh, sạch, đẹp và đồ chơi ngoài trời được sử dụng thường xuyên, an toàn; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; đủ công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh.

2. Phổ cập giáo dục Tiểu học

- Củng cố, nâng cao kết quả PCGDTH mức độ 3;

- Về học sinh: Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 (trừ trẻ em khuyết tật nặng không thể đến trường). Có ít nhất 98% trẻ em ở độ tuổi 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học, các trẻ em 11 tuổi còn lại đang học các lớp tiểu học; có 70% trở lên số trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục;

- Về giáo viên: 100% giáo viên đạt yêu cầu theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học; đảm bảo tỉ lệ 1,5 giáo viên/lớp; có đủ giáo viên dạy các bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Tiếng Anh, Tin học.

- Về cơ sở vật chất: Số phòng học đạt tỷ lệ 01 phòng học/lớp; phòng học đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định. Có thư viện, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội, phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên. Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định và được sử dụng thường xuyên, dễ dàng, thuận tiện. Có sân chơi, bãi tập, công trình vệ sinh, nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước đảm bảo, được sử dụng thường xuyên; môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

3. Phổ cập giáo dục THCS

- Củng cố, nâng cao kết quả PCGD THCS mức độ 3;

- Về học sinh: 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6; tỷ lệ tốt nghiệp THCS trên 98,5%; đối tượng 15 -18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS đạt trên 98%.

- Về đội ngũ giáo viên và nhân viên: Đủ giáo viên và nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng theo quy định; 100% số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đối với giáo viên THCS; 100% số giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS.

- Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: Đủ phòng học, bàn ghế phù hợp; đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; Sân chơi và bãi tập được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

4. Phổ cập giáo dục trung học phổ thông

- Độ tuổi 18-21 có bằng THPT trên 90%.

- Độ tuổi 18-21 có bằng đào tạo nghề trên 13%.

- Phần đầu đạt các tiêu chuẩn về phổ cập bậc trung học.

5. Phổ cập giáo dục Xóa mù chữ

Bảo đảm mọi công dân trong độ tuổi quy định đều biết đọc, biết viết tiếng Việt, đạt chuẩn kỹ năng đọc - viết - tính toán theo Chương trình xóa mù chữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nâng cao trình độ văn hóa của người dân, tạo nền tảng cần thiết để tham gia học tập tiếp tục ở các cấp học cao hơn, đặc biệt là đủ điều kiện học lên THCS, hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông cơ bản.

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS, bảo đảm thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 11–14 đều được đi học, học đúng độ tuổi và hoàn thành chương trình THCS.

Góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương và thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội học tập.

Hạn chế tái mù chữ, mở rộng cơ hội học tập suốt đời cho người dân thông qua các lớp giáo dục tiếp tục sau biết chữ.

Củng cố vững chắc phổ cập xóa mù chữ đạt Mức độ 2.

II. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về công tác PCGD, XMC

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của PCGD, XMC trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực, xem công tác PCGD, XMC là một nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, các lực lượng xã hội, các thôn với các nhà trường để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ PCGD, XMC.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, tiếp tục củng cố vững chắc, nâng chuẩn PCGD, XMC

- Các nhà trường cần tiếp tục đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018; tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát huy hiệu quả các thiết bị dạy học hiện có, đẩy mạnh việc tự làm thiết bị dạy học và học liệu số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI; tăng cường phụ đạo, giúp đỡ học sinh học yếu, kém; tổ chức đa dạng, phù hợp và hiệu quả các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường; tăng cường giáo dục kỹ năng sống.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong công tác quản lý, chăm sóc, giáo dục học sinh, vận động học sinh bỏ học ra lớp, học sinh hoàn thành chương trình bậc học tham gia học tập ở bậc học tiếp theo, thực hiện tốt việc duy trì sĩ số học sinh

- Chỉ đạo các nhà trường thực hiện tốt việc điều tra, cập nhật, thống kê rà soát tất cả các đối tượng bỏ học trong độ tuổi; có kế hoạch huy động số học sinh ra lớp và

duy trì theo chỉ tiêu giao đặc biệt đối với trẻ mẫu giáo, huy động 100% trẻ mẫu giáo ra lớp để tiến tới PCGD mẫu giáo trong những năm tiếp theo; tăng cường công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu kém. Các đơn vị dự báo các chỉ số về PCGD, XMC ở các năm tiếp theo để xây dựng kế hoạch thực hiện công tác PCGD đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng PCGD của đơn vị.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của nhà nước đối với học sinh, nhà giáo.

- Vận động cha mẹ học sinh, quan tâm huy động học sinh ra lớp, duy trì chuyên cần của học sinh, sử dụng có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của nhà nước, góp phần duy trì các mô hình bán trú dân nuôi nhằm huy động học sinh chuyên cần.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS theo hướng tăng tỷ lệ học sinh vào học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tăng cường tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, về vai trò, vị trí của giáo dục nghề nghiệp đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập... để người lao động nông thôn biết và tích cực tham gia học nghề.

- Phát huy vai trò của Trung tâm học tập cộng đồng trong việc tổ chức các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, đồng thời huy động các nguồn lực của địa phương cùng với nguồn lực hỗ trợ của Trung ương để thực hiện công tác PCGD, XMC đạt mục tiêu đề ra.

3. Tăng cường các điều kiện bảo đảm cho thực hiện PCGD, XMC

- Tiếp tục quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng để đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đối với GDMN đảm bảo tỷ lệ 2 giáo viên/ lớp, giáo dục Tiểu học đảm bảo 1,5 giáo viên/lớp, giáo dục THCS 1,9 giáo viên/lớp.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp các trường, điểm trường, quy mô lớp học cho phù hợp; bảo đảm thuận lợi cho việc đầu tư cơ sở vật chất, công tác quản lý, tập trung nâng cao chất lượng; đảm bảo đáp ứng đủ phòng học an toàn, công trình vệ sinh, nguồn nước sạch, bếp ăn,... cho trường mầm non, tham mưu việc xây dựng trường phổ thông liên cấp tiểu học và trung học cơ sở đúng tiến độ theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa theo các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia.

- Tiếp tục đầu tư, bổ sung kinh phí mua sắm đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học cho các nhà trường nhằm nâng cao chất lượng dạy, học; thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc đầu tư, công tác quản lý, sử dụng thiết bị dạy học tại các cơ sở giáo dục.

4. Thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm tra công nhận kết quả PCGD, XMC

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng và việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC lồng ghép thông qua các đợt kiểm tra chuyên môn từng cấp học.

- Tiếp tục sử dụng hệ thống thông tin quản lý PCGD, XMC theo Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban

hành Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý PCGD, XMC để cập nhật, lưu giữ, quản lý, khai thác thông tin (<http://pcgd.vn>); thực hiện nghiêm túc quy trình điều tra, nhập dữ liệu đảm bảo chính xác, đúng thời gian.

- Nâng cao trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả việc điều tra thông tin hộ gia đình, tổng hợp dữ liệu, lập hồ sơ và tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC của các đơn vị.

- Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu cho Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phối hợp với các ngành, đoàn thể thường xuyên coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong BCD PCGD xã. Tham mưu UBND xã xây dựng kế hoạch thực hiện một cách cụ thể để chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả.

III. Kiến nghị, đề xuất

1. Cấp Bộ: Đề nghị Bộ giáo dục phục hồi, nâng cấp phần mềm PCGD, XMC tại địa chỉ <https://pcgd.moet.gov.vn/> đồng thời cập nhật, đồng bộ dữ liệu trên phần mềm tại địa chỉ <https://pcgd.vn/> vào phần mềm của Bộ để các đơn vị tiếp tục được sử dụng trong những năm tiếp theo nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho việc tổng hợp và xử lý các số liệu một cách chính xác và khoa học nhất.

2. Cấp tỉnh: Tiếp tục quan tâm và bổ sung kinh phí cho các địa phương trong việc bổ sung, xây mới cơ sở vật chất, mua sắm các trang thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhằm củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập các cấp học, riêng cấp học mầm non tiến tới phổ cập giáo dục cho trẻ mẫu giáo. Phân nguồn kinh phí cho các địa phương hỗ trợ công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hàng năm.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác PCGD, XMC năm 2025; Ban Chỉ đạo PCGD, XMC xã Sơn Kim 1 kính gửi Ban chỉ đạo PCGD – XMC tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- BCD PCGD-XMC tỉnh (để B/c);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (để B/c);
- Các thành viên BCD PCGD-XMC xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Các trường MN, TH, THCS;
- Phòng Kinh tế, phòng VH-XH;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Sỹ Hiệp